# Vài hàng về nhà biên khảo
# LS Nguyễn Công Bình

LS Nguyễn Công Bình sinh quán tại Hà Đông, Bắc Việt. Năm 1954 theo gia đình di cư tỵ nạn Cộng Sản vào Đalat; đậu Tú Tài ban D Cổ Ngữ (63), Cử Nhân(68) và Cao Học Tư Pháp ĐHLK Saigon (68-70); đã hành nghề Luật Sư tại Saigon (72-75) và đã tranh luận trong nhiều vụ án quan trọng; đồng thời cũng là Giảng Nghiệm Viên ĐHLK Huế (73-75). Sang California tỵ nạn Cộng Sản lần thứ nhì và từ năm 1986 đến nay là Luật Sư biện hộ trước các tòa Liên Bang HK, Tòa Thuế Vụ Tòa Di Trú và các tòa TB California HK . LS Bình là Chủ Tịch Hội LSVN tại California (13-15). Ngoài các biên khảo về Luật học Việt Nam và Hoa Kỳ,,,, LS Bình còn học hỏi về Nền Văn Hiến Lạc Việt về Chữ Nôm và cũng viết nhiều bài khảo cứu bản *Kinh Thánh Nova Vulgata* & KT Cổ Hy Lạp & Latinh đăng trong website *conggiaovietnam.net*.

VP/ Law Office of LS Nguyễn Công Bình, Attorney At Law
2451 S. King Rd. #E San Jose, CA 95122,
tel (408) 270-2021.
Email LSNguyenCongBinh@gmail hay NCBinh702@gmail.com

# CHA RỒNG MẸ TIÊN
# dạy con cái LẠC VIỆT
# hát ca theo kiểu văn vần 6 – 8
# (lục bát) từ thời nào?

***Kính Nhớ Ngày Giỗ Tổ Lạc Việt***

LsNguyenCongBinh@gmail.com

Sử chép rằng vào các năm 38 đến 43 sau CN, tiếng sấm Trống Đồng làng làng Lạc Việt cùng gầm vang lời thúc giục cứu nước theo lệnh cờ Hai Vua Trưng. Tiếng sấm Linh Thiêng của Trống Đồng ***Nam Quan*** (thôn Bản Giốc, xin bàn sau), ***Ngọc Lũ*** (hình trên), ***Sông Đà, Miếu Môn, Yên Tập, Đào Xá Quảng Xương, Pha Long*** … ***và cả ngàn trống đồng cổ khác*** cùng vang rền khiến Tô Định, Mã Viện và đoàn quân Tầu xâm lăng run sợ. Ta khó lòng nghe lại được tiếng trống xưa lịch sử của Vua Trưng song có thể chiêm ngắm hình ảnh vài Trống Đồng Lạc Việt Cổ. Nhiều Trống đã được đúc từ thời Mười Tám Vua Hùng nay đã hơn 3000-3500 năm, và đã rền vang ***Tiếng Thúc Quân Kêu Gọi Lòng Yêu Nước*** cả trước ngày Hai Vua Trưng sanh ra. Nhiều trống hùng dũng đi chung với đoàn quân để ra hiệu lệnh nhờ 4 chiến sĩ gánh trên vai. (Ta còn có thể gọi ***Cối đòng*** thay cho ***trống đồng*** vì phải dùng chày giã thẳng từ trên cao xuống mặt cối để trống gầm. Cước chú 1: Hình ảnh và xuất xứ các trống đồng Lạc Việt Cổ trích dẫn trong bài; trống thường được gọi theo tên làng nay tìm lại được).

Song Mã Viện hiểu rõ hàng năm Nước Việt phải chịu mưa giông bão lớn, lại bị nước lũ từ miền núi chẩy xuống khoảng tháng 6 tháng 7 nên năm 42 sau khi đóng sẵn thuyền chiến thì

y chờ con nước dâng rồi cho nội gian đập vỡ đê khiến lũ lụt tàn phá Lạc Việt. Hai Vua phải phân tán quân lính để cứu Dân bị nạn. Hai Vua thua và tự trầm mình. Mã Viện đáng bị truy tố tội diệt chủng trước Tòa Án Quốc Tế. Y còn phạm đại tội thóa mạ Quốc Tổ. Quốc Danh **Lạc Việt** 雒戉 ***Mẹ Chim Tiên Gặt Lúa Nuôi Trăm Con*** do tổ tiên ta viết ra bị y nhái lại theo kiểu Tầu ra ~~***Lạc Việt***~~ ~~駱越~~ [~~tuy đồng âm song mang nghĩa *Lạc trâu ngựa/ Việt tẩu chậy.*~~ (cước chú 4)]. Mã Viện còn cướp cả ngàn trống đồng cho nấu chẩy rồi đúc thành cột đồng ngạo nghễ của y trả hận tiếng Trống Đồng Lạc Việt Linh Thiêng đã làm y run sợ. Trong Hậu Hán thư quyển 14 Mã Viện thú nhận rằng : *"Dân Giao Chỉ có trống đồng là vật linh thiêng, nghe tiếng trống nổi lên khi lâm trận thì lòng họ rất hăng say."* [xem https://ctext.org/hou-han-shu]
Trống Ngọc Lũ và nhiều trống khác kịp trốn dưới lòng đất nay ta tìm lại được. *Đây là **Mặt Trống Ngọc Lũ** >> .*

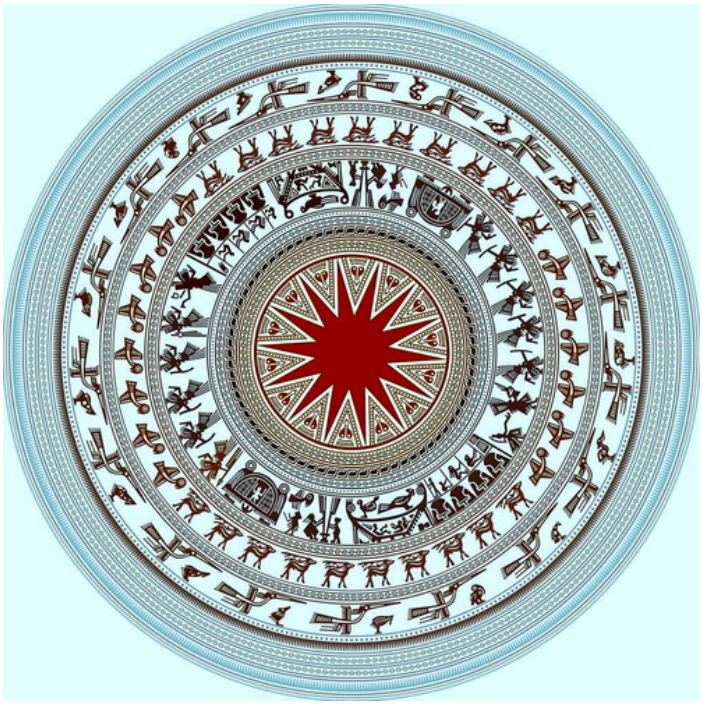

Ngày 10 Th Ba âm lịch (25 Tư 2018 dl) là ngày *Giỗ Tổ Hùng Vương*. Xin cùng dâng nén hương lên bàn thờ Cha Rồng Mẹ Tiên lạy tạ ơn tổ tiên sanh ra chúng ta và dạy ta nói tiếng Việt. Quốc Tổ đúc ra trống đồng để dạy con cái lòng Yêu Nước và còn để dạy con cái giữ tiếng Việt và các điệu ca múa Lạc Việt.

Tiếng ta nhờ 6 dấu trầm bổng có âm dương trắc bình khiến âm thanh phát ra nghe như điệu nhạc líu lo *(cước chú 2)* nhất là qua kiểu ***VÈ văn vần 4 - 4 - 4 – 4*** là những chuỗi câu 4 chữ vần điệu với nhau song thánh thót hơn nữa khi ta hát ca theo ***văn vần 6 - 8 - sáu tám (lục bát)***. Cách hát ***Vè và Văn vần 6 - 8*** đã có từ ngày có Lạc Việt theo lịch sử 4000 năm văn hiến, và đã được tổ tiên dạy lại cho chúng ta qua **những chữ khắc ghi trên các bộ sử bằng đồng** là các trống đồng (và các dụng cụ khác ta chưa tìm ra được) :

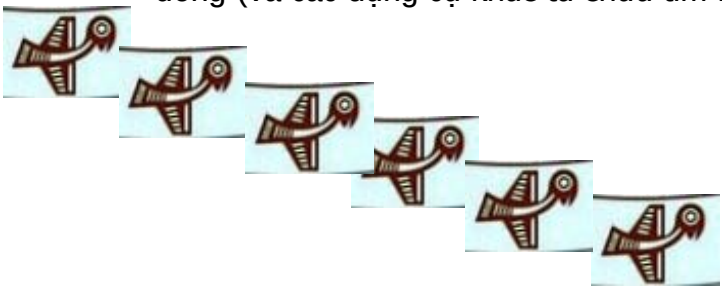

*Xin xem Cha Rồng cho vẽ trong vành tròn thứ 2 Ngọc Lũ* ***một đoàn 6 chim-con-dẫn-theo-10-nai- tiếp nối với 8-chim-con-dẫn-theo-10-nai.***

Cha Rồng dạy ta đan từng cặp câu 6 chữ và 8 chữ liên tiếp nhau, lồng vào nhau, tạo ra các bài ca dao, câu hát mừng ngày mùa, lời tỏ tình êm dịu và cả các bài ca yêu nước*...* Con dân Lạc Việt từng làng chiều chiều tối tối tụ tập quanh trống đồng cùng nhau múa hát trao nhau những câu **Vè 4 chữ** và những câu **6 - 8 lục bát**.

Tổ tiên ta không chỉ hát ca xuông mà từng đời còn dạy con tay nắm tay nhẩy múa nhịp nhàng quanh trống đồng theo điệu nhạc rền vang của trống. Mà cho đến thời Đức Trần Hưng

Đạo, tức khoảng năm 1225 , tập tục trai gái cùng nhau múa hát với tiếng trống qua những điệu ca tổ tiên truyền lại vẫn còn. Sử kể lại anh em xem nhau đồng đẳng vì dù làm vua dù làm quan, song cùng ăn một mâm, cùng uống một bát rượu; *chén chú chén anh xong thì cùng nắm tay nhau mà hát múa.* (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Quyển Bản Kỷ Toàn Thư các trang 18a, 18b 32a; ViệtNam Sử Lược -Trần Trọng Kim -Q1- các trang 125, 128). Xin nói là Đức Thánh Trần và các tướng tá thảy thảy đều xâm hình Rồng vào ngực, vào lưng, vào tay vào đùi để qua điệu nhảy xom xom nhìn nhau ra là **Quan Lang** *[quan/con) (lang/long/rồng*]. Đời con cháu của ngài là vua Trần Anh Tông không muốn xâm mình nữa.)

<<*Đây là* ***Mặt Trống Sông Đà***

Khi nhẩy múa quanh trống đồng tay nắm tay cùng một lòng hát những bài 4 chữ hay những bài 6 - 8 - 6 - 8 hùng tráng giữ nước thì Hai Vua Trưng và các nữ tướng có xúng xính đội mũ

Chim Tiên, đeo kiềng Rồng Chim trước ngực và đeo nhạc khí nhỏ ở cổ tay cổ chân hay không? Tôi tin là *có* và các nàng **Mỵ Nương con gái Mẹ Chim Tiên** ấy cũng hiền thục dịu dàng mà cũng hiên ngang cùng đám quan lang [**Con Trai Cha Rồng]** nắm tay quay vòng quanh trống đồng.

Hai trống *Ngọc Lũ* và *Sông Đà* cùng vang lên lời cảm tạ Ông Trời ban Mặt Trời mang tia nắng ấm cho hột Lúa nẩy nở nuôi Dân Lạc Việt. ***Hai trống cũng cùng viết số 6 và số 8***. Trên *Sông Đà* là một đoàn ***6 quan lang theo 4 trống đồng*** nối tiếp ***với 8 mỵ nương theo 4 trống đồng cùng múa hát theo một hướng*** .

## *1. Tổ tiên Lạc Việt dùng trống đồng dạy con hát theo kiểu văn vần 6-8 (Lục Bát)*

Xin nghe *Trống Ngọc Lũ dạy ta hát lục bát.*

Quan lang mỵ nương tụ tập trên sân đình làng dưới ánh trăng sau một ngày cày cấy lam lũ để nắm tay nhau vừa nhẩy nhịp nhàng quanh trống vừa hát. Chẳng hạn :

***Bầu ơi*** *(2 chữ)* ***thương lấy Bí cùng*** *(4 chữ)*

Câu 6 nào cũng mở đầu với câu 2 chữ: vd "***Bầu ơi"*** rồi tiếp với câu 4 chữ: "***thương lấy Bí cùng*** "

***Đoàn chim-6-con- của câu 6 dẫn-theo-10-nai*** tức 10 tiếng trống để chờ bè nam hát câu 8 đáp lại

*tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng*

Bè nam hát tiếp câu 8 chữ ***theo hàng 8 chim>>***

***Tuy rằng khác giống*** *(4 chữ)*

***nhưng chung một giàn*** *(4 chữ)*

Câu 8 (bát) gồm hai câu 4 chữ ghép liền với nhau.

Rồi đám giữ trống lại theo **10 nai** điểm 10 tiếng trống *tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng tùng* . *[ Xin coi* ***một đoàn 8 chim-con-chia thành 2 cặp mỗi cặp 4 chim con dẫn-theo-10-nai*** ]

---

Hay ta cùng theo *6 quan lang* và *8 mỵ nương* vừa nắm tay nhau vừa nhẩy quanh trống Sông Đà.

Bè nam hát câu 6:

***Khôn ngoan*** *(2)*

***đá đáp người ngoài*** *(4)*

Cả dàn trống đồng vang tiếng *tùng tùng tùng tùng* ...bập bùng sau đó *8 mỵ nương* bè nữ nhún nhẩy đối lại bằng câu 8 chữ >>

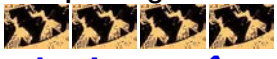

***gà cùng một mẹ*** *(4)*

***chớ hoài đá nhau*** *(4)*

Rồi cả dàn trống đồng lại vang lên tiếng ***tùng tùng tùng tùng*** bập bùng vui nhộn. Đám Con Trai Cha Rồng và Con Gái Mẹ Chim Tiên ấy cứ vui nhảy theo vòng tròn mà hát nối tiếp những câu lục câu bát khác. Chen giữa 6 quan lang và 8 mỵ nương là hai dàn nhạc khí, chiêng, 8 trống nhỏ, trống da, khèn, lúc lắc v.v...phụ họa cho buổi nhẩy Rồng vui nhộn thêm.

**Trong phần trên ta thấy những hình ảnh như 6 và 8 chim con, 10 nai , 6 mỵ nương, 8 quan lang v.v...Tổ tiên ta có những lý lẽ cao xa khi viết những chữ** *(qua hình ảnh)* **trên từng vòng tròn trống đồng theo con số 2, tiếp nối là số 4, 6 và 8 v.v.. vì những mục đích quan trọng và còn tạo ra nhịp nhàng cho ta múa hát, .**

Anh chị em cùng nắm tay nhau mà nhảy giật giật theo 10 tiếng trống sau từng câu 6 câu 8 ấy thì thật là đúng ý Cha Rồng Mẹ Tiên dạy qua các trống, ***Ngọc Lũ và Sông Đà*** là biểu tượng. Nếu không thương nhau thì họ chẳng nhảy với nhau chẳng hát với nhau. Họ đang nhảy song đúng ra họ đang ôn lại với nhau những bài học căn bản **Cha Rồng Mẹ Chim Tiên** dạy. Theo **Đạo của Cha Rồng,** họ là **anh em Nhà Hùng Lạc,** là **Đàn Chim Trăm Con. Đạo** dạy từng quan lang từng mỵ nương phải theo **Mẹ Chim Tiên** nối cánh nhau cùng cố gắng vươn lên để bay cao.

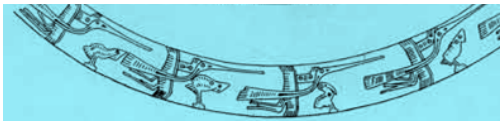

Nói cho rõ hơn, vành ngoài trống Ngọc Lũ dạy rằng từng chim lớn bé phải cùng dắt dìu nhau để có sức *bay từ đêm tối đến Phía Đông* đón chào *Mặt Trời mọc*. Tổ

tiên mong ta vì là *Đàn Chim Trăm Con Một Tổ* nên không *bước* đi mà cùng dìu nhau *bay lên , bay cao thành đàn dắt nhau vào tương lai*. Đây: *vành ngoài trống Ngọc Lũ* và Trống *Trường Giang*- [Nông Cống -Thanh Hóa-hình bên] cùng ghi khắc lời dạy rằng **Đàn Trăm Chim** phải nối kết ấp ủ nhau thành một khối chống ngoại xâm.

Đó chẳng hề là huyền sử

Người Tầu thấy hướng **Trăm Chim** bay ↺ ngược chiều kim đồng hồ - từ trái qua phải- xem ra ngược ngạo nên chê bai gọi là ta *tả nhậm* tức đi ngược ngạo) lại thấy quan lang mỵ nương lớn rồi mà còn tắm chung một bến, nắm tay nhẩy quanh trống đồng chẳng đúng '*lễ nghĩa của Tầu* 'thì gớm ghiếc (theo VNSL TTKim Q1. trg 259). Xin nói thêm là tổ tiên Hai Vua Trưng và Đức Thánh Trần đúc ra Nam Quan, Ngọc Lũ... và nhiều trống lắm và tạo ra những câu ca cộng với nhiều điệu múa nhảy xập xình theo những kiểu mà chính các *nhà nho người Việt* cũng cho là kệch cỡm. Sử gia Ngô Sĩ Liên lắc đầu nói rằng: '*Tuy bấy giờ vua tôi (nhà Trần) cùng vui, không gò bó vào "lễ" mà theo phong tục giản dị chất phác, song không còn chừng mực gì nữa.'* Cụ nhà nho Trần Trọng Kim nhìn theo con mắt vua quan Tàu mà phê phán rằng vua quan *'không giữ lễ phép nghiêm khắc như những đời sau'* song tôi trộm nghĩ rằng nếu không có những câu vè 4 chữ, những câu lục bát, những điệu múa nhảy ấy mà cứ chỉ răm rắp theo hệ thống vua quan và quân giai rập khuôn mẫu Trung Hoa thì có lẽ các tướng đời Nhà Trần đã chẳng theo Đức Thánh Hưng Đạo Đại Vương mà anh và em cùng tuốt gươm ra chỉ xuống sông Bạch Đằng, cùng vang lời thề anh em không thắng giặc Mông Cổ xâm lăng thì sẽ cùng không có ngày về. Nhờ các ngài, Việt Nam vẫn còn. Tôi ngưỡng mộ và kính yêu các ngài.

Cụ Nguyễn Du và nhiều thi sĩ có tài đã biến *Lục Bát* từ văn vần thành *thơ* với đầy hồn Việt. *Truyện Kiều* với 3254 câu thơ lục bát, rồi lại lục bát quện với nhau ta càng nghe càng thích và *Kiều* đã trở thành tinh hoa tiêu biểu cho văn chương Việt Nam.

Song ai ai cũng đều có thể dùng khuôn khổ 6-8 ấy để làm ra những câu hát ngắn (ca dao) để dậy dỗ con cháu, hoặc để nói cho có văn có vần cho dễ nhớ. Các câu Lục Bát đã đi vào

lòng chúng ta khi yêu khi ghét, khi ăn khi ngủ, khi nhớ khi mong. Lục bát còn được dùng để dậy dỗ để truyền đạo lý… Hầu như Lục Bát của Lạc Việt luôn sẵn ở đầu môi chúng ta vậy. Xin cùng nghe vài câu:

*Trâu ơi ta bảo trâu này:*
*Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta*
*Cấy cày vốn nghiệp nhà ta:*
*Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công.*
*Bao giờ cây lúa trổ đòng,*
*thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

*Nao nao giòng nước uốn quanh,*
*nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang… .*

*Sè sè nấm đất bên đàng,*
*dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*

*Trên đồng cạn dưới đồng sâu*
*chồng cầy vợ cấy con trâu đi bừa …*

*Yêu nhau cau sáu bổ ba,*
*Ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười …*

*Bảo vâng, gọi dạ, con ơi,*
*Vâng lời sau trước, con thời chớ quên.*
*Công cha, nghĩa mẹ, khôn đền,*
*Vào thưa, ra gửi, mới nên con người.* (vân vân…)
---

## *2. Cha Rồng Mẹ Tiên đầu óc siêu phàm song đầy tình người đã dạy con cách hữu hiệu qua trống đồng*

Chẳng ai dám nói bao giờ sẽ có câu lục bát cuối cùng trong tiếng Việt cả. Mong quý vị cùng đồng ý tổ tiên ta đã dùng trống

đồng dạy ta tình đoàn kết và cách ca hát theo lục bát. Mong các thầy cô dạy Tiếng Việt nhấn mạnh Lục Bát cho các em học sinh. Song một vị tại San Jose cho rằng cách sắp xếp 6 chim 10 nai và 8 chim 10 nai của trống đồng Ngọc Lũ; hay 6 quan lang 8 mỵ nương của Sông Đà *có thể chỉ là một tình cờ*. Vậy xin trưng thêm hai trống ***Nam Quan*** và ***Yên Tập*** và mong còn nhiều trống đồng khác tôi tin tổ tiên ta đã dùng để dậy ta làm văn vần 6-8.

<<*Đây là* ***Mặt Trống Yên Tập*** (Hà Nam Ninh).

Trống dạy ta ca câu 6 theo **6 chim bay,** - nối với câu 8 **theo 8 chim đậu)**. Xin nói đến trống ***Nam Quan*** trong phần sau.

Song vị đàn anh ấy nhất định đòi phải trả lời câu hỏi:

**Tại sao câu 6 phải đi trước, tiếp nối là câu 8 mới thành câu lục + bát Lạc Việt?**

Xin mạn phép trả lời tạm và cho tôi nếu cần thì bổ túc thêm. Để trả lời câu hỏi này thì trước hết tôi phải xin mọi người nghiêng mình kính cẩn đề cao **CHA RỒNG MẸ TIÊN của LẠC VIỆT**. Tôi tôn kính Cha Rồng Mẹ Tiên không chỉ vì tôi là con cháu các Ngài mà vì các Ngài là vĩ nhân của thế giới . Hơn ngàn năm trước Công Nguyên, các Ngài đã là những vị THẦY dạy cho con dân Lạc Việt và cộng đồng quốc tế triết lý về ***Nguồn Gốc Sự Sống và Khoa Học Biến Chuyển để Sự Sống phát triển***: Khoa học ấy chúng ta hậu thế gọi là môn **dịch học** do các Ngài sáng tạo.

[Dịch 易 là xê dịch biến chuyển. *Sử của Tầu qua sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép như vậy.* Xem Cước chú 3 ]. Trong khi các kỹ thuật gia thời nay đã hiểu rõ và ứng dụng môn **dịch học** vào khoa học kỹ thuật số (Boolean algebra & digital power science) nhờ đó sáng tạo ra computer và các máy móc hiện đại khác thì người Tầu cũng học theo song chú trọng về phần lý số âm dương, địa lý và bói toán.

**CHA RỒNG MẸ TIÊN** còn hướng dẫn cho con dân Lạc Việt và cộng đồng quốc tế cách tổ chức xã hội ấm no hạnh phúc hơn nhờ đoàn kết và nhờ cách phát triển kinh tế nông nghiệp qua việc trồng lúa và tiến xa về phương pháp luyện kim đúc lưỡi cày , dụng cụ nông nghiệp. Tổ tiên ta không chỉ hiểu biết trọn vẹn *nguồn gốc và triết lý Sự Sống và phát triển Sự Sống nhờ Đoàn Kết và Kỹ Thuật* mà còn biết quảng diễn các lý thuyết trừu tượng ấy cách giản dị qua hình vẽ trên trống đồng. Xin dần dần chứng minh rõ hơn song tôi xin giản dị tóm tắt theo một ví dụ ngộ nghĩnh rằng khi trong nhà có sẵn rượu ngon, có sẵn thịt cá thì ta mới dám mở tiệc thết đãi khách bởi *cái gì ta có thì mới biếu ra được*. Tổ tiên ta đã cho hậu thế những hiểu biết và lý lẽ cao xa của **con số 2, 4, 6 và 8** và diễn tả điều ấy theo *dịch học* và cả trên *trống đồng*.

Khi dùng trống đồng, **CHA RỒNG MẸ TIÊN** cũng đã là những bậc thầy về *khoa học truyền thanh và truyền thông xã hội*. Để từng người trong cả một nhóm lớn hiểu được nhau thì cần nhiều phương tiện khoa học và nghệ thuật để mọi thông tin hay ý tưởng có thể được truyền đạt cách nhanh chóng và hữu hiệu; song ngôn ngữ vốn nghèo nàn nên cần tạo ra những mô thức chuyển biến *bắt mắt* : thường là chữ tắt, chữ lạ hay hình ảnh để gây chú ý, gọi là *đặc ngữ truyền thông* (vd các dấu hiệu lái xe là loại đặc ngữ quy ước ngoài nội dung còn dùng hình thù như vuông, trám, tam giác hay tròn...) Theo định luật chung: tư tưởng, ngôn ngữ và hành động có tương quan mật thiết ràng buộc nhau.

Những hình ảnh ***mặt trời, tia nắng, hột lúa Lạc, người người đội mũ lông chim Tiên*****,** và ***hoạt động của họ như gặt lúa, giã gạo, giã trống đồng, thổi khèn*****...** và những hình ảnh ***Đàn Chim dìu nhau bay cao, Đàn Rồng tiến bước…. trên cả trăm trống đồng*** ta nay đào ra được đều là **những '*chữ* Lạc Việt' ghi trên 'Sử Đồng của Lạc Việt'.** Đó là những **CHỮ Lạc Việt**, những đặc ngữ tiêu biểu rất *bắt mắt* để ta dễ hiểu những điều Cha Rồng Mẹ Tiên dạy qua cùng một cách viết trên Ngọc Lũ và ngàn ngàn trống đồng. >>

***Từ trống đồng phát ra nhạc***. Nghệ thuật truyền thông còn vận dụng không những mắt mà cùng lúc cả lỗ tai người nghe cho nên **thanh cung , tiếng động và nhịp điệu cùng hòa hợp với "*lời* " phát ra từ miệng** để người nghe kịp hiểu, hiểu rõ, mà lại nhớ được lời đã nghe cách dễ dàng (nhiều bài nhạc ta nhớ được lời nhờ cung trầm bổng hơn là nhờ chữ). Sự nhịp nhàng -vd trong vè hay lục bát qua việc xếp các chữ theo đôi lại vần với nhau - tức cung cách nói có nhịp đều cùng với

tiếng nhạc đệm, được thêm như một yếu tố để đạt mục đích ấy. Các nhà giáo dục Mỹ, Pháp bởi thế đề cao cách dạy cho các em lớp mẫu giáo theo văn vần ( vd Dr. Seuss) nhất là các bài hát vui và ngắn như bài *ABC DEFG* , *Twinkle twinkle little stars*..hay *Kìa Con Bướm Vàng Xòe Đôi Cánh,* hay *Trông Kìa Con Voi*... vừa hát vừa nhún nhẩy vỗ tay, để những tâm hồn ngây thơ nghe, hiểu, nói, dễ dàng nhận các thông tin, và tập suy luận nhất là nhún nhẩy theo điệu nhạc.

Ba bốn ngàn năm trước thì các nhà giáo dục Hồng Lạc Rồng Tiên đã mở con đường rất thênh thang cho khoa học truyền thông này. Con cháu nhà Rồng Tiên nói, hát theo nhịp 2+2 ra 4 - 4 - 4 - tức là vè rồi lại thêm nhịp 2 +4 = 6 và 8 mà còn nhún nhẩy múa quanh trống đồng và tiếng trống tiếng chiêng ***tùng tùng - tùng tùng.*** Bài lục bát có thể có thể ngắn mà cũng có thể dài cả hơn 3200 câu như truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên song lôi kéo người nghe từ đầu đến cuối. Cách hát xuông đã là hay mà lục bát còn biến điệu ra '**Hò Lơ'** *(Hò Lơ Ho Ó Lơ...),* '**Cò Lả'** *(Con Cò Cò Bay Lả Lả Bay La..)* theo tình tự dân ca Lạc Việt, *Hò nện, hò giãi gạo, hò dô ta, Nhà Bè Nước Chẩy Chia Hai ...* rồi ra '**lý'** như *Ai Đem con Sáo Sang Sông ...* Còn nhiều điệu hát nữa vì dân ca là cả một kho tàng. Đã hơn ba bốn ngàn năm từ thời Cha Rồng Mẹ Tiên thì ta đã nói tiếng Việt mà lại còn hát các câu ca sáu tám (lục bát) hoàn toàn theo kiểu nói đặc biệt của Việt Nam.

***3. Trong Lục Bát thì 'Câu Lục' khởi đầu với câu 2 chữ, tiếp với câu 4 chữ để ra câu 6 chữ. Hai hòa nhịp với Bốn thành Sáu. Mỗi 'Câu Lục Sáu Chữ'" dù đơn độc song bộc lộ trọn Hồn Việt,***

Theo Cụ học giả Kim Định, *Kinh Dịch của Cha Rồng Mẹ Tiên người Việt* dậy lý thuyết

*nhị nguyên âm dương (2) -*
*âm dương sanh ra tứ tượng(4) –*
*tứ tượng sanh bát quái (8)...*

Cả chữ Nho và Đạo Nho nữa, theo cụ, cũng *là của người Việt song người Tầu học lại rồi tự ý biến đổi ngữ nghĩa.* Triết thuyết Kim Định quá cao xa cho nên đã có người khó hiểu dè bỉu là cụ nặng tự ái dân tộc. Ta dốt nát nên vội nói như thế chớ cụ không nói sai đâu. Cái gì ta có trong lòng thì mới nói ra được.

***(a) Câu Lục*** 6 chữ khởi đầu với **câu 2 chữ *chỉ âm dương,*** tiếp với **câu 4 chữ *chỉ tứ tượng*** để ra câu 6 chữ .

**Hai hòa nhịp với Bốn thành Sáu.**

---

<<Mặt trống **Hòa Bình** (4 chim 6 Rồng)

Người Việt ta đã được dạy nay đã cả hơn 4000 năm văn hiến hay ít ra là từ thời Hùng Vương về **Lý lẽ con số 2** *âm dương* về Trời và Đất ( *qua truyện bánh dầy bánh chưng)*; cha và mẹ *(truyện Đôi Chim Hạc Trắng);* Trời và Người *( truyện An Tiêm,*

*Phù Đổng Thiên Vương);* vợ và chồng *(Trầu Cau)*; nắng và mưa, Rồng Tiên Quốc Tổ ...v.v... Vừa nghe xong mấy truyện trên mà vội phê phán là hoang đường nhảm nhí, hoặc ít ra chỉ coi là huyền thoại thì sợ là quá thiếu sót.

Lòng yêu nước chẳng tự phát một sớm một chiều song đã được hun đúc qua việc nhắc lại Sử và để đám con cháu dễ hiểu thì ***những chữ trừu tượng khó hiểu của Sử và lý lẽ âm dương*** được các cụ già ngồi bên trống đồng truyền lại cho đám trẻ qua những *đặc ngữ hay hình ảnh* từ *Đôi Chim sanh Trăm Trứng nở ra Đàn Chim*...hay hình ảnh *Cha Rồng dẫn thuyền của đám con đánh đoàn Cá Ma*... Cách viết Sử đầy thi vị mà trọn nghĩa và đầy lôi cuốn ấy quả tình vượt xa phương pháp mấy nhà quảng cáo cố vận dụng với phương pháp của khoa học truyền thông. Ta đã có cả hơn 4000 năm và ngôn ngữ và tư tưởng của Cha Rồng Mẹ Tiên chứng thật điều ấy . Xin đừng giới hạn các chữ ***âm dương tứ tượng bát quái*** theo cái hiểu chật hẹp huyền bí của người Tầu mà phải nghĩ theo kiểu Việt.

***(b) Lý lẽ con số 2 âm dương*** *sanh ra* ***Lý lẽ con số 4 tứ tượng. Hai hòa nhịp với Bốn thành Sáu***

[Trống đồng **Vũng Tầu]**

Mỗi *Câu Lục Sáu Chữ* dù đơn độc đã bộc lộ trọn Hồn Việt, Hồn Dân Tộc trong ấy

**[** Trống đồng **Đào Xá]**

***Tứ tượng*** không chỉ là 4 hiện tượng mà còn để chỉ 4 hướng, 4 mùa …qua 4 Rồng, 4 Chim, 4 Nai.... hay 4 con cóc đắp trên nhiều trống, hay 4 vùng gọi là ***đất nước***. Song quan trọng nhất la **4 chim:** ***chim anh, chim chị, chim em, chim cháu nối cánh nhau bay theo một chiều*** từ đêm tối về hừng đông, từ quá khứ về tương lai chớ không bay theo chiều kim đồng hồ về dĩ vãng. Xin đếm *số Chim* và *số Rồng* trên từng trống đồng được trình bầy.

Ngôn ngữ của tôi nghèo nàn song xin lặp lại. Hai hòa nhịp với Bốn: *âm dương* **+** *tứ tượng* thành *Sáu*. Ta thấy trọn Hồn Việt trong Mỗi *Câu Luc Sáu Chữ*. Trống **Hòa Bình** (4 chim 6 Rồng – xem trang trước) hay **Vũng Tầu** (4 chim), **Đào Xá** (4 Rồng) **Miếu Môn** (2 lần vẽ 4 cọp- 2 lần vẽ 4 nai - 4 lần vẽ 4 chim), **Phú Xuyên** ( 4 vòng: vòng 1 trời đất- vòng 2 vẽ 4 Rồng - vòng 3 vẽ 6 chim- vòng 4 trời đất bao la ) dạy rõ lý lẽ các con số của tổ tiên Lạc Việt đã dùng.

[Trống đồng **Phú Xuyên]**

[Trống đồng **Miếu Môn** ]

Cũng xin quay lại trống Ngọc Lũ vành 3 để thấy *hai hàng 6 quan lang*, hoặc trống Sông Đà để đếm *vành ngoài vẽ 3 lần 6 chim cùng bay tả nhậm*. Tôi mong trưng thêm cả trăm trống ở đây. Mà lạ lùng thay là Cha Rồng Mẹ Tiên hơn 4000 năm qua đã biết trái đất quay *tả nhậm* quanh mặt trời và thực tế là Con Người phải sống hòa hợp với nhau, với trái đất, với xoay vần và mưa nắng của thiên nhiên, vì trái đất sống hòa hợp với vũ trụ. Nếu chỉ hát theo con số 4 hay 6 thì thấy đã trọn vẹn.

Sau đây xin tay nắm tay với các quan lang và mỵ nương đánh ***trống Quảng Xương*** [<<hình bên] để đọc **Kinh Cầu Mưa** xin Trời Cao ban cho ta cuộc sống ấm no giản dị nhờ con người cố gắng thương yêu nhau và cùng nhau đổ mồ hôi ra cày cấy:

(tiếng trống vang: ) **tùng tùng ... ... tùng tùng**
***Lạy trời mưa xuống***.
**tùng tùng ... ... tùng tùng**
***Lấy nước tôi uống***
**tùng tùng ... ... tùng tùng**
***Lấy ruộng tôi cày***
**tùng tùng ... ... tùng tùng**
***Lấy đầy bát cơm***
**tùng tùng ... ... tùng tùng**
***Lấy rơm đun bếp***
**tùng tùng ... ... tùng tùng**
**tùng tùng ... ... tùng tùng**

Một ví dụ khác của vè cho thấy vài chữ cổ đã biến thiên, thời xưa người Lạc Việt gọi nhau là **chim** là **rồng** có thể từ *kling, mling. Linh, liền ninh* hay *kềnh càng* và chữ *kwon lang, tluồng, làng, nang*

**ông nỉnh ông ninh**
**ông ra đầu đình**
**ông gặp ông nang**
**ông nảng ông nang**
**ông ra đầu làng**
**ông gặp ông ninh**

Vành ngoài trống Ngọc Lũ vẽ 3 x 6= 18 cặp ***chim chị, chim anh dìu dắt chim em***. Các em bé Lạc Việt đã được dậy đoàn kết làm Rồng gây sức mạnh nhất là để bảo vệ cái đuôi là đàn em nhỏ bé. Trò chơi khá thú vị: các em ôm theo nhau theo hàng dọc làm Con Rồng (Lạc Việt) bảo vệ em chót là cái đuôi Con Rồng, một em đứng riêng làm thầy thuốc bắc (người Tầu) đuổi bắt cái đuôi Con Rồng Việt.

**Rồng rắn lên mây - có cây thuốc bắc - có nhà hiển vinh**
Rồng: *Thầy thuốc có nhà hay không?*
(Thầy:) *Xin khúc đầu.* - Rồng: *cùng xương cùng xẩu...*
(Thầy:) *Xin khúc giữa.* – Rồng: *Cùng máu cùng me.*
(Thầy:) *Xin khúc đuôi .* - Rồng: *Tha hồ thầy đuổi]*

## *4. Hai lần Bốn là Tám*
## *Hai lần Tứ Tượng là Tám Kẻ (Quẻ).*
## *Tám Kẻ chỉ tổng thể. Tám Kẻ là vạn vật*
## *Đó là "Câu BÁT TÁM Chữ" trong lục bát*

*Đây là **Mặt Trống Yên Tập >>***

Trống dạy ca câu 6 theo **6 chim bay,** - nối với câu 8 **theo 8 chim đậu)**

Từ **Lý lẽ con số 2** và **Lý lẽ con số 4** ra **Lý lẽ con số 8** mà ta gọi là **8 kẻ** 八[Quẻ].

Tựa như *con số 7* chỉ sự trọn vẹn toàn hảo của Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo [vd trời đất được tạo dựng trong 7 ngày ] thì *con số 8, viết là 8 song chỉ sự trọn ven* theo cách suy nghĩ của *Cha Rồng Mẹ Tiên Lạc Việt* (và dịch học).

Chữ Kẻ chỉ Người: *Người quen kẻ thuộc chung quanh,* (Truyện Kiều Nguyễn Du)

Chữ Kẻ cũng chỉ *Làng* (tên xưa): *Kẻ Chợ*; *Kẻ Sở*; *Kẻ Vĩnh … …*
http://www.nomfoundation.org/nom-tools/Nom-Dictionary?uiLang=en
Xin cảm tạ cụ học giả LM Trần Văn Kiệm cho ta cái định nghĩa chữ KẺ 几 thật đủ và cho ta cái cầu trở về Chữ Nôm của Dân Tộc cách giản dị; cũng xin ghi ơn NomNa Foundation đã phổ biến tự điển của cụ.

> *Tám **kẻ** là tám **Người**, tuy viết là 8 song để chỉ trọn vẹn **Đàn Chim Trăm Con***, là *Toàn Dân Lạc Việt* bay cao theo đúng một hướng về tương lai xán lạn .
> *Tám **kẻ** là tám **Làng**, tuy viết là 8* song để diễn tả ***Làng Làng Lạc Việt*** là trọn vẹn.
> ***Tám Kẻ chỉ tổng thể. Tám Kẻ là vạn vật***

Qua ***tám kẻ,*** tám phần của trống đồng, vẽ theo 8 Chim hay 8 Rồng..... *Cha Rồng Mẹ Tiên* dạy *Đàn Chim Trăm Con* tạo ra *vòng tròn đoàn kết trọn vẹn* để Lạc Việt đi đến (chữ Hán là biến chuyển/ dịch đến) trọn vẹn. Xin cứ đếm từng vòng tròn của từng trống đồng để mà *sờ* được điều ấy.
Người Tầu nhái lại **8 kẻ** ra *bát quái,* rồi gọi *Dịch học* là khoa học huyền bí, đoán này đoán kia. Đó là thiếu sót. Ta theo họ tuy *chữ Quái* đọc trại ra *Quẻ song nghĩ đến Quẻ bói* huyền bí . Đó là thiếu sót

Từ **Lý lẽ số 2** và **Lý lẽ số 4** và **Lý lẽ số 8** Cha Rồng Mẹ Tiên cho ta thêm **Lý lẽ số 100** qua truyện Trăm Chim. (Ta hay dùng chữ Hán là Hà Đồ - Lạc Thư mà nhiều tác giả đã bàn đến rồi). *Trong tiếng Việt ý nghĩa số Trăm cũng tương tự ý nghĩa số 8 để chỉ số nhiều mà trọn vẹn như Trăm Con, Trăm Trứng ,Trăm Năm, Trăm họ…*Trong cách nói của người Tầu chẳng lộ ra những lý thuyết ấy, cách làm thơ Tầu chỉ gò bó vào số 5 hay số 7 mà thôi và chỉ cho vần ở đuôi câu cách độc đoán. Họ chẳng có **Lý lẽ số 2-4-6-8-** hay **100** đâu.

***5. Sáu gieo vào lòng Tám rồi Tám lại gieo vào lòng Sáu như Tình Yêu Vô Tận Đàn Chim thế hệ này trao cho nhau để sanh ra thế hệ Đàn Chim mới liên tục tiếp nối***

Từ thời Cha Rồng Mẹ Tiên thì ta đã nói tiếng Việt mà lại còn hát các câu ca sáu tám (lục bát) hoàn toàn theo tư tưởng, lý lẽ và kiểu nói đặc biệt của Việt Nam. Lục bát đòi trong từng cặp 6 - 8 phải có thanh trầm bổng để chỉ âm dương song *chữ thứ 6 câu sáu* phải gieo vần với *chữ thứ 6 câu tám,* rồi *chữ thứ 8 câu tám ấy* phải gieo vần với *chữ thứ 6 câu sáu sau,* liên tục với một vòng tròn khác như thế. Hơn 3000 câu truyện Kiều tiếp nối nhau theo quy tắc như thế song ta ngâm không thấy chán. Theo cụ Kim Định thì ***sáu tám gieo vào trong lòng nhau*** :

Cụ Nguyễn Du mở đầu Truyện Kiều qua từng cặp lục bát như sau:

**Trăm *năm*** [b bình] **trong *cõi*** [t trắc] **người *ta*** [b- mở vần mới a]

**Chữ '*tài'*** [b] **chữ '*mệnh'*** [t]
**khéo *là*** [b- đóng vần *a*] **ghét *nhau.*** [b- mở vần mới *au*]

**Trải *qua*** [b] **một *cuộc*** [t] **bể *dâu.*** [b-nối vần au]

**Những *điều*** [b] **trông *thấy*** [t]
**mà *đau*** [b-đóng vần au ] **đớn *lòng*** [b-mở vần mới *ong*]

**Lạ gì "bỉ", "sắc", "tư", "phong'** [b-nối vần ong]

**Trời Xanh quen thói**
**má hồng** [b-đóng vần ong] **đánh ghen** [b-mở vần mới en]

***1. Quy luật trắc bình (tb) đối nhau*** : âm thanh trầm bổng nhờ ***Trắc*** là các chữ mang dấu sắc, hỏi, ngã hay nặng [năm-cõi] và ***Bình*** là không dấu hay dấu huyền[ ta - là / dâu- đau]

(a) Trong *câu lục* ta thấy từng cặp 2 chữ [chỉ âm dương] nối liền với câu 4 chữ [chỉ tứ tượng]. Để âm thanh trầm bổng: chữ thứ 2 đối trắc bình với chữ thứ 4 [năm> < cõi]

(b) tiếp đó trong *câu 8* [chỉ tám kẻ ] là hai cặp câu 4 chữ [chỉ tứ tượng hòa hợp sanh tám kẻ] thì trong *tứ tượng 1* , chữ thứ 2 đối trắc bình với chữ thứ 4 [tài > <mệnh // điều> < thấy]

## *2. Quy luật gieo vần* : **mở vần, nối vần, và đóng vần**

(a) Trong câu 6 thì chữ thứ 6 phải là *bình* và mở ra một vần *bình* [ta ] nếu là câu mở đầu bài; bằng không thì chữ này phải theo vần bình với chữ thứ 6 của câu 8 đã có trên [ nhau – dâu//lòng ¯phong]

(b) Trong câu 8 thì chữ thứ 6 phải là *bình* và theo vần chữ thứ 6 của câu 6 đã có trên [ta - là // dâu- đau]

(c ) Trong câu 8 thì chữ thứ 8 phải là *bình* và mở ra vần mới, để nối với chữ thứ 6 của câu 6 kế tiếp [ta -là // nhau - dâu ].

Cũng có thể nói thêm là gieo vần như thế để trọn vẹn đạo lý mà cũng để tạo ra một vòng âm dương mới, một thế hệ mới, để một *thế hệ Chim mới* tiếp nối *các thế hệ Chim đàn anh đàn chị.* Xin giản dị trình bầy vài hàng ngắn gọn tuy thiếu sót như thế .

Trong câu vè 4 chữ như trong *bài Kinh Cầu Mưa* thì cũng giữ cách ***gieo vần trong lòng*** như vậy

***Lạy trời mưa <u>xuống</u>. Lấy nước tôi <u>uống</u>***
***Lấy <u>ruộng</u> tôi <u>cày</u> Lấy <u>đầy</u> bát <u>cơm</u>***
***Lấy <u>rơm</u> đun bếp***

Ta nghe ***xuống- uống -ruộng - cầy -đầy- cơm - rơm*** đan với nhau.

## *6. Sáu hòa nhịp với Tám- Làm cho vòng tròn Lạc Việt mở với Sáu- kết với Tám để đi đến (biến chuyển/ dịch易) trọn vẹn*

<< Mặt trống **Nam Quan**

Ta đào ra trống **Nam Quan** tại thôn *Bản Thôm* có thác *Bản Giốc* khu ***Nam Quan*** nên các học giả đặt tên là trống *BảnThôm* [song nay đất khu này Hà Nội đã dâng cho Tầu. ]

Tôi đề nghị gọi là ***trống* Nam Quan** , cũng là ***Sử Đồng Nam Quan*** hay

bản **Kinh Dịch Nam Quan bằng đồng** vì mấy ngàn năm trước các cụ ông cụ bà Lạc Việt hiểu rõ **lý lẽ con số 2-4-6-8** và cho ghi rõ điều ấy trên **Sử Đồng Nam Quan** này. Bốn ngàn năm trước từng đời từng đời các quan lang và mỵ nương Nam Quan nhảy múa và hát đối đáp các câu ca sáu tám quanh trống dạy môn **Kinh Dịch** này.

**(a) ÂM DƯƠNG:** Các cụ Lạc Việt cho vẽ *một mỵ nương + một quan lang* tức một cặp ÂM DƯƠNG đứng đối nhau.[ Xin đoán là quan lang múa nhẩy với một tay cầm rìu trong tư thế tác chiến và tay kia mang mộc chắn. Mỵ nương thì tay cầm nhạc khí nhẹ. Hướng tiến của 6 vị là *tả nhậm*]

**(b) TỨ TƯỢNG :** rồi các cụ Lạc Việt vẽ 2 cặp mỵ nương quan lang đứng đối nhau; cộng lại là 2+2 = 4 thành TỨ TƯỢNG.
Thế là ta có **câu 6** vì **ÂM DƯƠNG** cộng **TỨ TƯỢNG** thành 2+4= 6 quan lang và mỵ nương

**(c) TÁM Kẻ (Quẻ)** Các cụ vẽ Đàn Chim Lac 8 con (tức số 8 chỉ trọn vẹn) nối nhau bay tả nhậm theo vòng tròn như Cha Rồng Mẹ Tiên đã cho vẽ trên từng trống.

Thế là ta có **câu 8** .
**SÁU quện với TÁM thì là lục bát mà.**

Cũng xin gọi là ***Sử Đồng Nam Quan*** vì ngoài ý nghĩa con số 2, 4, 6 & 8 đọc được trên mặt trống, ta nghe thời vua Kềnh Rồng (Kinh Dương) dân ta còn ở nhà sàn song mặt trống Nam Quan cho ta thấy dân trí và mức sống theo kinh tế phát triển cao hơn vì thời Vua Hùng thì đã có nhà ngói, cây mít, sân gạch rồi. Song quan trọng hơn thì Sử đồng Nam Quan muốn nói gì đây? Bản Giốc Nam Quan là của ai? Mà tại sao lại có bằng chứng văn vần Lục Bát Lạc Việt được hát ở đây?

Xin dùng trống ***Nam Quan*** để tạm kết bài này.

Tôi xin đổi tên trống ra ***Nam Quan*** vì Làng Bản Thôm thuộc khu *thác Bản Giốc ải* ***Nam Quan*** là đất của người Việt từ xa xưa rồi nên mới có trống đồng. Trống ***Nam Quan*** đã thấy Thoát Hoan run sợ nấp trong ống đồng chui qua cửa ***Ải Nam Quan*** này. Ở vùng cửa ải ***Nam Quan*** có **Khe Man** ( goi là Man Khê ) là nơi Mã Viện dừng quân khi đánh hai vua Trưng; nghe nói sau khi thắng trận Mã Viện có cho đặt **mốc biên giới** tại đây. Đây cũng là nơi **Đức Lê Lợi cho đóng quân và chém Liễu Thăng**. **Trống Nam Quan** đã mục kích các biến cố ấy. Mong đó là những bằng cớ chứng minh rằng Bản Giốc là của Lạc Việt. Song hôm 31 Th. 12 2008, Trung Cộng đòi ta dâng đất và ải Nam Quan. Bản Giốc là đất của Lạc Việt đã thật sự mất rồi vì sự ươn hèn của ta. Mừng Lễ Giỗ Tổ mà lòng tôi quặn đau nhất là Ngày Xa Xứ 30 Th Tư lại cận kề., và Hà Nội đang dùng trò ma thuật dâng Đất Việt cho Trung Cộng dưới dạng cho họ thuê Đất Nước dài hạn đến 99 năm.

Xin kính chào và Kính Chúc Quý Vị Lễ Giỗ Tổ đầy ý nghĩa.

LsNguyenCongBinh@gmail.com

# PHẦN CƯỚC CHÚ

## CƯỚC CHÚ 1: HÌNH ẢNH TRỐNG ĐỒNG LẠC VIỆT

Hình ảnh các trống đồng nói trong bài được trích dẫn từ cuốn

***ĐÔNG SƠN DRUMS IN VIETNAM Trống Đông Sơn Ở Việt Nam.***

*NXB: The VietNam Social Science Publishing House- 1990*

Tính cho đến năm 1990 ta đã tìm lại được khoảng trên 300 trống đồng cổ từ nhiều làng xưa trên toàn mảnh đất Lạc Việt / Việt Nam và đặt tên cho từng trống theo nơi được đào ra. Sách chỉ in lại hình ảnh và xuất xứ khoảng 145 trống như các **Trống Đồng** ***Nam Quan, Ngọc Lũ, Hà Nội, Sông Đà, Miếu Môn, Yên Tập, Đào Xá, Quảng Xương, Pha Long, Đào Xá, Miếu Môn, Phú Xuyên, Trường Giang, Nông***

*Cống, Thanh Hóa, Cẩm Thủy Thọ Vực , Lại Vực* rồi đến *Kontum, Quảng Ngãi,Thủ Dầu Một (Bình Dương), Vũng Tầu, Nha Trang, Hà Tiên* ... Tôi xin gọi các trống ấy là các bộ Sử Bằng Đồng và kính mong chúng ta cùng tìm ý nghĩa tổ tiên muốn để lại cho ta theo từng chữ tức hình ảnh khắc ghi trên các trống ấy. Cần ý kiến quý vị để giải thích rõ hơn rằng cả ngàn năm trước *Kontum, Quảng Ngãi, Bình Dương, Nha Trang, Vũng Tầu, Hà Tiên* đều thuộc Đất Lạc Việt rộng lớn. Trong tương lai ta mong sẽ tìm lại được nhiều trống khác.

## CƯỚC CHÚ 2: Tiếng VIỆT nghe líu lo như tiếng chim

Vua Lê Đại Hành đánh tan quân Nhà Tống xâm lăng năm 981. Trước đó vua Nhà Tống đã sai sứ sang khuyên vua đầu hàng. Trong thư phủ dụ, ông khen *dân Nước Đại Cồ Việt nói tiếng Việt líu lo như chim* (không nghe nặng như tiếng Tầu), *lại đã từng có liện hệ đẹp với* Trung Quốc từ thời nhà Chu , và "*đến thời Viêm Hán dựng mốc cột đồng* " . **(Đại Việt Sử Ký Tiền Biên**, **cuốn Sử thứ 3** của Lạc Việt, trang 163, in thời vua Quang Trung - Bản dịch của Viện Nghiên Cứu Hán Nôm - NXB Khoa Học Xã Hội Hanoi 1997.)
Xin đoán ý vua Nhà Tống nhắc lại đoạn Sử Tầu khen Nước Việt thông minh đã tạo cột mốc đánh dấu tiến bộ phát triển kỹ thuật luyện kim đồ đồng từ thời *Viêm Hán* [ tức thời Thần Nông Viêm Đế đến những thế kỷ thời Hán]. Riêng về nhận xét tiếng VIỆT ta nhờ 6 dấu trầm bổng có âm dương trắc bình khiến âm thanh phát ra nghe như điệu nhạc líu lo thì chính là yếu tố Trời cho để ta tạo ra *văn vần lục bát..*

## CƯỚC CHÚ 3: NGƯỜI TẦU HỌC LẠI MÔN DỊCH HỌC CỦA LẠC VIỆT

Sử Tầu đề cao hiểu biết khác thường của Dân Nước *Việt Thường* (Lạc Việt) vào bậc **" thần thánh "**. Thật vậy, triết lý về ***Nguồn Gốc Sự Sống và Khoa Học Biến Chuyển để Sự Sống phát triển*** là lời dạy của Cha Rồng Mẹ Tiên Lạc Việt về

đạo lý của Trời Đất, đạo Cha Con, đạo Vợ Chồng, đạo Anh Em.... người Tầu sau này, gọi là môn **dịch học** [Dịch 易 là xê dịch biến chuyển biến chuyển theo *âm dương, tứ tượng, bát quái*] **Dịch** gồm nhiều môn là **Bát Quái**, **Lạc [**Việt] **Thư**, và **Hà Đồ** được đại sứ Nước ***Việt Thường*** (Lạc Việt) cũng là giáo sư Kinh Dịch truyền lại cho Trung Hoa từ thời xa xưa. Sử của ta thời nhà Nguyễn chép lại một đoạn mở đầu của Sử Tầu rằng : [Xin xem **Cuốn Sử thứ tư** của Việt Nam-thời nhà Nguyễn, là **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục.** bản dịch của Viện Sử Học, in trong:
https://thuviengdpt.info/quoc-hon-quoc-tuy/lich-su-viet-nam/kham-dinh-viet-su-thong-giam-cuong-muc/kham-dinh-viet-su-thong-giam-cuong-muc/

[trích] ***Lần đầu tiên [Việt Thường] sai sứ sang nhà Đường*** *(2357-2258 trước Công Nguyên)* ***dâng con rùa thần.***
*Sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép rằng: Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang chầu, dâng con* ***rùa thần.***

***Lời chua – 'Rùa thần'****: Theo Thông chí của Trịnh Tiều, về đời Đào Đường, phương Nam có Việt Thường thị qua hai lần sứ dịch sang chầu,*

*dâng con **rùa thần**; có lẽ nó được đến nghìn năm, mình nó hơn ba thước, trên lưng có **văn khoa đẩu** ghi việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Quy lịch (lịch Rùa).* [hết trích][Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục - Tiền Biên - Quyển I. trang5 & 6]

***Rùa thần** là con gì?* Ta cùng bàn đoạn viết khó hiểu này. Xin đoán rằng quan Tầu viết Sử song không hiểu '*Rùa Thần* ' *là gì* , không đọc được *văn khoa đẩu* nên nên không vẽ lại được rõ ràng ngày ánh sáng văn minh của Dân Lạc Việt chiếu soi lên Trung Hoa. Vào thời ấy mối giao hảo giữa Dân Nước Lạc Việt và các nước láng giềng còn đậm đà và họ cùng học hỏi lẫn nhau:

(a) Lạc Việt thời ấy cũng đã biết đúc ra trống đồng, lại cũng đã biết viết loại chữ *gọi là nòng nọc âm dương (khoa đẩu*). Tuy chưa tìm lại được loại chữ này tổ tiên ta viết ra [hay nói rộng hơn do nhóm Bách Việt cùng sáng tác ra] nay đã bị văn hóa Tầu xóa nhòa sau ngàn năm lệ thuộc song loại chữ này có lẽ một phần nhỏ được người Tầu thời xa xưa thâu thập và viết trên đá, xương động vật hay mu rùa tìm thấy tại vùng Động Đình Hồ là biên giới của Bách Việt và GS Richard Sears đang tìm đọc..... Cả hai ngôn ngữ đều dùng đơn âm nên dễ chấp nhận nhau.

(b) Riêng nhóm Việt Thường (sau gọi là Lạc Việt) thì viết ra những sách đặc biệt đều mang **chữ nòng nọc tức khoa đẩu**: (1) Sách của Lạc Việt (*Lạc Việt thư* họ gọi tắt là **Lạc Thư**) dạy về Bát Quái cũng được gọi là **Quy Thư** *Sách Rùa Thần* (2) Sách **Hà đồ** cũng gọi là **Sách Hà Lạc** (của Lạc Việt ). Nhiều người Tầu suy nghĩ giản dị hơn cho rằng Trời ban Sách và vua Phục Hy viết lại

(c) Tổ tiên ta cũng đã biết lấy da trâu làm dụng cụ để viết. Dịch 腋 là bảng vẽ, đồng âm với dịch 易 học do sứ giả Nước Lạc Việt đem biếu vua Tầu rộng hơn 1 mét (3 thước ta) vẽ *âm dương* ở giữa vòng tròn **Bát Quái** hình thù coi như *mai con rùa* nên gọi là ***'Rùa thần***.'

(d) Dùng computer ta tính ra các năm Mậu Thân BC là -2712, -2652, -2592, -2532, -2412 ... và lúc ấy người Tầu *chưa có Sử* nên tưởng tượng ra triều đại hai ông vua Nghiêu Thuấn (mà họ tự đặt tên cho ) nghĩa là Dân Trung Hoa chưa có ánh sáng văn minh mà ban ra cho ai song người Dân Nước Việt Thường đã có văn hiến, văn hóa và kiến thức khoa học để chỉ bảo cho người Tầu lý thuyết âm dương nhị nguyên tứ tượng ngũ hành bát quái để hiểu đạo biến hóa (tức là dịch易) của Trời và Đất. Lúc ấy Nước Lạc Việt ta có thể chưa có *Sử viết* - song *Sử Đồng tức là các trống đồng* thì đầy dẫy

(e) Dựa theo lý lẽ các con số và khoa học về thiên văn và địa lý của Lạc Việt, vua quan nhà Nghiêu thích thú vì họ học được triết lý âm dương và sự biến hóa của sức mạnh **càn khôn** trời đất - cả ngàn năm trước sau. Nhờ *văn khoa đẩu trên lưng con Rùa Thần ghi việc từ khi trời đất mới mở mang* vận hành chuyển dịch cả ngàn năm *trở về sau* là như thế. Cho đến nay chẳng ai dám nói đã hiểu rõ và giãi thích rõ ràng **số học** (là các điểm trắng đen trong Lạc Thư và Hà Đồ ) là nguồn gốc của âm dương Ngũ hành và thuật số bát quái. Vì không hiểu rõ nên sau đó vua quan nhà Nghiêu Nước Trung Hoa lại phải sang tận đất Nam để thụ giáo thêm. Sử của Tầu chép rằng:

[trich Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục - Tiền Biên - Quyển I trang 5 & 6]

> [trích] *Đế Nghiêu nhà Đường sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, lý hội thời tiết mùa hè (lý nam ngoa). Kinh Thư, thiên "Nghiêu điển" chép:*
> *Vua Nghiêu lại sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, điều hoà mọi việc theo thời tiết sớm muộn về mùa hè, kính cẩn ghi bóng mặt trời lúc đến giữa trưa, theo như thời tiết hạ chí, ban ngày thì ngày dài, ban đêm thì lúc chập tối sao trung tinh là đại hỏa, suy trắc lại cẩn thận, để cho tháng trọng hạ được đúng với thời tiết; lại phải xem xét đến việc thay đổi của người và vật: lúc ấy dân ở phân tán, chim muông lông thưa thớt và thay đổi.*
>
> ***Lời chua -*** *Theo tập truyện của họ Thái : Nam Giao: Đất Giao Chỉ ở phương Nam. Nam Ngoa: Mùa hè là mùa mọi*

*vật sinh sản phồn thịnh, cần suy trắc kỹ để thay đổi những việc nên làm. - Theo sách Thông chí của Trịnh Tiều, Hi Thúc đóng ở Nam Giao, lý hội thời tiết về mùa hè, để cho đúng tiết hạ chí.* [hết trích]

## CƯỚC CHÚ 4: DANH '*LẠC VIỆT*' LINH THIÊNG LÀ TÊN CỦA NƯỚC TA BỊ NGƯỜI TẦU TẨY XÓA ĐÃ ĐƯỢC ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO PHỤC HỒI.

Khoảng năm Đinh Tị (1257 thế kỷ 13) khi Đức Thánh Trần nhận trách nhiệm chỉ huy chống giặc Mông Cổ xâm lăng thì ngài đã cho viết ra chữ **VIỆT** V-THĐ *[viết tắt cho VIỆT- Trần Hưng Đạo]* kêu gọi mọi người Việt cùng trọn lòng Yêu Nước Giữ Nước. Ngài đã thành công qua đại thắng Bạch Đằng #2 năm Mậu Tí 1288. Sau

đó Đức Lê Lợi cũng đã chấp nhận chữ **VIỆT** [V-THĐ] lịch sử này và cho viết trong cuốn *Trùng San Lam Sơn Thực Lục Tự* in năm 1431. Năm 1479, *Vua Lê Thánh Tông* đã trịnh trọng cho in chữ **VIỆT** [V-THĐ] thiêng liêng này *ngay trên trang bìa cuốn* **Sử Nước ĐẠI VIỆT** [Chúa Trịnh cho in lại thời vua Lê Hi Tông tức năm Chính Hòa 1697 nay chỉ còn một cuốn]

**Đây là hình bìa cuốn Sử Nước Việt thời nhà Lê do Vua Lê Thánh Tông cho in.** Xin coi 6 chữ hàng dọc được sao chụp từ bìa Cuốn Sử Việt

大 越 史 記 全 書

**Đại Việt[V-THĐ] Sử Ký Toàn Thư**

xin vẽ thêm vòng tròn nhấn mạnh. Chữ **Việt**[V-THĐ] nay được Hội Bảo Tồn Di Sản Chữ Nôm giúp viết theo dạng unicode như sau 越 越 越 để ta có thể phổ biến rộng rãi (xin paste, copy và điều chỉnh cỡ chữ mong muốn)

Ta đang đọc Sử Việt. **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** là Cuốn Sử Thứ Nhì của Nước Việt do các vua Nhà Lê viết ra. Xin nhớ chữ **VIỆT** [V-THĐ] 越 Và chữ **LẠC** [L-THĐ] 貉 mà *Đức Trần Hưng Đạo* cho viết và *Vua Lê Thánh Tông* trịnh trọng khắc in *đều là **Chữ Nôm** đầy Hồn Việt và đầy ý nghĩa chớ không là chữ Tầu.*

Cuốn Sử Thứ Nhất cũng mang tên là **Đại Việt Sử Ký** do các vua Nhà Trần cho viết ngay sau chiến thắng của Dân Việt chắc chắn có khắc in chữ "**LẠC VIỆT**" này song Nhà Minh đô hộ coi là sỉ nhục nên đã đốt mất, nay chẳng còn quyển nào (theo VNSL TTKim Q1. trg 213).

Xin bàn hai chữ "**LẠC VIỆT**" là Quốc Danh do chính tổ tiên ta viết ra. Theo tiến trình lịch sử, chữ này đã từng bị người xâm lăng nhục mạ chôn vùi song đã được các đấng.anh hùng Dân Lạc Việt phục hồi bằng xương máu.

## A. CHỮ "*VIỆT*" GỐC ĐƯỢC TỔ TIÊN TA VIẾT NHƯ SAU:

**VIỆT [1] [SƠ KHỞI] #B17590**

**VIỆT [2] [ NGUYÊN THỦY] #B17597**

**VIỆT [3] #B17598**;

戉 **VIỆT [4]** *giản thể*

*1. Xin tạm viết chữ theo GS Richard Sears; ông có công truy tầm các chữ cổ kính này được người xưa viết trên đá, xương thú vật, mai rùa, đồ đồng v.v... Chữ VIỆT , ngoài 4 dạng kể trên (mang bí số), còn được viết theo nhiều dạng nữa theo khảo cứu của GS Richard Sears. chưa bàn đến dạng* **VIỆT [1]** **[SƠ KHỞI]** *vì cần một bài riêng. Xem* ***http://www.chineseetymology.org/CharacterEtymology.aspx?submitButton1=Etymology&characterInput=%E6%88%89***:

*2. Chữ* **VIỆT [2]** **[NGUYÊN THỦY]** vẽ hình ảnh CHIM TIÊN với lưỡi cầy luyện bằng kim loại sắc bén dẫn dắt Đàn Chim Lạc Việt trồng lúa theo hướng đi Đạo Lạc Việt. Hình ảnh Đàn Chim Lạc Việt theo nhau chèo thuyền, cày cấy, gặt gánh, giã Lạc (lúa) đầy dẫy trên các cối đồng. Xin nhớ cùng thời thì người Tầu còn là dân du mục nên chỉ có cái cày thô sơ bằng gỗ, gọi là耒 **lei , lỗi**.

3. Chữ **VIỆT** [2] [NGUYÊN THỦY được các cụ nhà ta viết giản dị ra 戉 VIỆT[4] Sau khi Nước ta bị người Tầu đô hộ, chữ 戉 VIỆT[4] này bị xóa nhòa (ta bị gọi ra **Nam Man, An Nam, Giao Chỉ** hay nhiều tên khác) song người Tầu vẫn còn dùng chữ VIỆT[4] này với nghĩa rộng, đọc là 'ge/qua' để chỉ xuất xứ của giáo mác , đồ kim khí..... do người Việt đã chế ra [ tựa như người Âu Châu gọi "**China"** [gọi tắt chữ china ware] không còn theo nghĩa là nước China Trung Hoa mà là đồ sành đồ sứ *china* tinh xảo do Tầu *china* nhào nặn ra.]

4. Thật vậy, theo National Geographic là tạp chí quốc tế (năm 1971) thì Tiến Sĩ SOLHEIM II rất vô tư khi khẳng quyết người Việt biết luyện kim cả ngàn năm trước rồi mới truyền kỹ thuật ấy cho người Tầu. Xin xem
"*New Light on a Forgotten Past*" National Geographic 1971- Dr Wilhelm G. Solheim
*https://books.google.com/books/about/New_Light_on_a_Forgotten_Past.html?id=pK0XSQAACAAJ*
hay theo http://www.mevietnam.org/NguonGoc/fv-newlight.html
hay *ÁNH SÁNG MỚI TRÊN MỘT QUÁ KHỨ LÃNG QUÊN* Hoàng Hoa-Nhân-Kiệt dịch http://doremon360.blogspot.com/2009/07/bai-1-anh-sang-moi-tren-mot-qua-khu.html

5. Nước ta bị đô hộ, song tiếng 'VIỆT' và Danh 'VIỆT' không hề bị tiêu diệt trong lòng Dân Tộc. **Hai vua Trưng đã phục hồi Bộ Hiến Pháp của Cha Rồng và Danh '雒戉 LẠC VIỆT ' năm Canh Tí** (năm 40 sau CN) **khi dành lại tự chủ.**

6. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, theo sách Hậu Hán Thư quyển 54 , Mã Viện sau khi chiến thắng **Hai vua Trưng** vào năm 43, đã ngạo nghễ cho đốt chảy cả ngàn trống đồng để dựng cột đồng và y còn xấc xược lấy chữ ~~**VIỆT** 越 [đồng âm song thuộc bộ Tẩu (Tẩu là trốn chạy quân Tầu)~~ thay cho chữ **VIỆT**戉 **'***gốc*' do *tổ tiên ta viết ra***,** và lấy chữ ~~LẠC~~ 駱 ~~[bộ Mã đồng âm song mang nghĩa~~ ~~trâu ngựa.~~ thay cho *chữ* ***LẠC*** 雒 ***do*** *tổ tiên ta viết ra.*

~~*Lạc Việt* 駱 越 thành đám trâu ngựa dưới quyền thống trị của Mã Viện~~ [xem https://ctext.org/hou-han-shu]

7. **Xin lặp lại : Hai chữ LẠC L-THĐ 貉 và VIỆT V-THĐ** **uy linh ngạo nghễ đã được Đức Trần Hưng Đạo phục hồi và cải sửa và *Vua Lê Thánh Tông* trịnh trọng khắc in.** ***Hai chữ đều là Chữ Nôm đầy Hồn Việt và đầy ý nghĩa chớ không là chữ Tầu.***

## B. DANH DÂN TA TỪ "LẠC 雒 Chim Tiên Hiền Hòa Gặt Lúa" dưới thời Mười Tám Vua Hùng rồi đến vua Trưng HIÊN NGANG CHUYỂN SANG "LẠC 貉 Con Trâu Việt"

Cho đến thời Vua Trưng, Quốc Danh ta là **Lạc Việt**, sau đổi sang **Đại Cồ Việt** thời nhà Đinh và **Đại Việt** theo thời Lý Trần. Chữ **Lạc Việt** tuy còn dùng song để chỉ tên của Một Dân Tộc Hiền Lành song Hiên Ngang Quật Khởi.. Xin nói lại **Lạc Việt** là chữ Nôm.

**1. *chữ* LẠC[1]** **[ NGUYÊN THỦY]** được *tổ tiên ta viết như thế* cùng với cả ngàn trống đồng từ thời Mười Tám Vua Hùng mang nghĩa ***Mẹ Chim Tiên Gặt Lúa Nuôi Trăm Con.***

Xin thấy ra *Hai Chim Tiên* 隹各隹 cùng bay quanh LÚA LẠC.

Cho đến thời Vua Trưng, Quốc Danh ta là **Lạc Việt**, sau đổi sang **Đại Cồ Việt** thời nhà Đinh và **Đại Việt** theo thời Lý Trần. Chữ **Lạc Việt** tuy còn dùng song để chỉ tên của Một Dân Tộc Hiền Lành song Hiên Ngang Quật Khởi.. Xin nói lại Hai Chữ **Lạc Việt** là chữ **Nôm** không có trong kho ngôn ngữ Trung Hoa.

**1. *chữ* LẠC[1] [ NGUYÊN THỦY]** 雒 được *tổ tiên ta viết như thế* cùng với cả ngàn trống đồng từ thời Mười Tám Vua Hùng mang nghĩa ***Mẹ Chim Tiên Gặt Lúa Nuôi Trăm Con.*** Xin thấy ra 2 *Chim Tiên* 隹各隹cùng bay quanh LÚA LẠC.

*<< 2. Đây là **mặt trống NHA TRANG**. Đếm ngang mặt trống để thấy ra chữ* **LẠC** [1] *theo từng cặp Chim Tiên bay quanh mặt trời gặt các hạt lúa.*

Các trống **Bình Dương, Cẩm Thủy Thọ Vực , Lại Vực, Hà Nội I** v.v... vẽ 4 chim, **Nha Trang, Ha Noi II** khắc 6 chim tức 3 cặp chữ **LẠC[1] .**

**3.** *Các chữ* **LẠC[2]** **> LẠC[3]** 雒*được viết theo giản thể mang 1 CHIM*

Còn nhiều dạng nữa theo GS Richard Sears, song xin chỉ trưng 3 chữ. **http://hanziyuan.net/#%E9%9B%92**

**4. Chữ LẠC[ĐVSKTT]** 貉 **[mới] "*LẠC con trâu trãi* "**

**Đức Thánh Trần cho viết theo bộ '*trãi*' là con trâu Việt đây chính nghĩa và hiên ngang**

*<< Hình ảnh* ***Con Con trâu trống đồng Làng Vạc*** *giúp ta cày cấy song cùng lúc cũng tượng trưng cho sức mạnh quật khởi của Dân Lạc Việt.*

**Chim Tiên** hiền lành gặp thời thế phải chuyển mình ra **Con Trâu**. Xin tạ ơn Đức Thánh Trần và vua Lê Thánh Tông cho in chữ 貉 ***LẠC*** **con trâu Việt** này trong **Đại Việt Sử Ký**, là chữ **LẠC** uy linh [theo bộ trãi ] là con trâu thiêng Lạc Việt mà trống đồng Lạc Việt ghi lại, xóa đi chữ 駱 ~~*LẠC con ngựa Mã Viện*~~

Trâu chỉ sống ở Lạc Việt và xứ nóng. Trâu có nhiều đức tính tốt nên được biến thành biểu tượng ***trâu thiêng,*** [ Tầu gọi là 豸**trư** [**zhi]** Hán Việt **trãi -** viết đủ chữ là 獬豸 xie zhi giải trãi, a fabulous monster] có *ba sừng* sẵn sàng húc để bảo vệ chính nghĩa. Người vùng Đông Nam Á, kể cả người Tầu cùng tin như vậy và lấy ***trâu thiêng*** làm hình ảnh những vị quan có tiết trực chính nghĩa dám cản ngăn nhà vua. *<< Hình ảnh* ***Con trâu trãi*** *[trâu thần]*

http://lair2000.net/Unicorn_Dreams/Types_of_Unicorns/Chinese/Chinese_Unicorn.html
https://www.mdbg.net/chinese/dictionary?page=worddict&wdrst=0&wdqb=%E7%8D%AC%E8%B1%B8

**Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** cho ta hiểu rõ nghĩa khí dũng cảm của Đàn Chim Tiên Gặt Lúa thời bình song cũng là Đàn Trâu Thiêng LẠC VIỆT. Tôi xin xác nhận **ba chữ HÙNG** 雄 貉 **LẠC VIỆT như khắc in trong ĐVSKTT là ba chữ NÔM tức chữ Việt** (nhìn giống như chữ Tầu song là chữ Việt và không có trong tự điển Tầu- Sẽ bàn chữ HÙNG sau) và các vĩ nhân Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Thánh Tôn đã tự hào viết ra như thế để báo cáo cho mọi người biết các vị đều là người mang giòng máu Việt. Song để tránh chữ 獬豸 **(**xie zhi giải trãi) thuộc bộ thủ 豸 [quăn] chỉ mãnh thú như cọp beo,sư tử... bị đọc lầm ra chữ đồng dạng 豸 ***zhi/*** **trại** *là con sâu không chân,* vua Lê Thánh Tôn có chua thêm âm "***các"*** 各 cho chữ 貉 để ta đọc ra **LẠC**. Xin cũng đừng lầm với chữ đồng dạng dị âm 貉

[song của Tầu- đọc là *háo hé*, là con chồn con cáo vô nghĩa].
Xin cảm tạ Văn Thơ Lạc Việt và Việt Nam Văn Hiến đã cho in bài ***"BA CHỮ HÙNG LẠC VIỆT LINH THIÊNG***". Xin xem:.
1.*http://www.vietnamvanhien.org/CHUVIETCUATRANHUNGDAO.pdf*
2.*http://vantholacviet.com/e-books-hai-vua-trung-va-nu-quyen-tac-gia-ls-nguyen-cong-binh/*